

# KINH TẾ BRAZIL NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ 21 VÀ TRIỂN VỌNG

Nguyễn Xuân Trung  
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Cùng với một số nền kinh tế khác ở Mỹ La tinh, kinh tế Brazil, nền kinh tế lớn nhất ở Nam Mỹ cũng đã rơi vào cuộc suy thoái nghiêm trọng trong đầu thập kỷ. Sang năm 2004 này, tình hình kinh tế trong và ngoài nước có nhiều yếu tố thuận lợi, liệu Brazil có tận dụng được cơ hội này để đưa nền kinh tế tăng trưởng vững chắc trong thời gian tới.

**Tốc độ tăng trưởng giảm mạnh, môi trường kinh doanh đầy rủi ro trong 3 năm đầu thập kỷ.**

Sau khi đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao năm 2000 với GDP tăng 4,4%, sang năm 2001, tình hình đã hoàn toàn khác, nền kinh tế Brazil đã sụt giảm một cách thê thảm với tốc độ tăng GDP chỉ còn 1,3%, thấp hơn nhiều so với mức dự kiến ban đầu khoảng 4%. Sự sụt giảm này còn kéo dài đến hết năm 2003.

**Bảng 1: Một số chỉ số tăng trưởng kinh tế (%)**

Chỉ số tăng trưởng	2001	2002	2003
GDP thực tế	1,3	1,9	-0,2
Nông nghiệp	5,8	5,5	5,0
Công nghiệp	-0,5	2,6	-1,0
Dịch vụ	1,8	1,6	-0,1

Nguồn: Viện Địa lý và Thống kê Brazil (IBGE).

Năm 2002, GDP chỉ tăng trưởng 1,9% trong khi đó đồng nội tệ mất giá mạnh so với đôla Mỹ khiến cho GDP tính theo giá USD hiện hành giảm từ 510 tỷ USD xuống còn 460 tỷ USD, mặc dù tính theo giá đồng Real thì GDP vẫn tăng. Ngay trong 9 tháng đầu năm 2001, giá trị đồng nội tệ (đồng Real) của Brazil đã giảm tới hơn 30% và nó còn giảm mạnh hơn trong năm 2002. Theo đánh giá của Công ty tư vấn Global Invest, đồng nội tệ của Brazil mất giá mạnh như vậy làm cho nền kinh tế Brazil đang từ vị trí thứ 8 trên thế giới với GDP ở mức gần 800 tỷ USD năm 1998, tụt xuống vị trí thứ 12 trong năm 2002 với GDP khoảng 460 tỷ USD<sup>(1)</sup>.

Tình hình này còn xấu hơn do kinh tế Brazil đã thực sự rơi vào suy thoái khi chỉ số tăng trưởng trong hai quý liên tiếp đầu năm 2003 đều giảm so với quý trước. Theo báo cáo của Viện Địa lý và Thống kê Brazil (IBGE), GDP của Brazil giảm 1,6% trong Quý II/2003 so với Quý I/2003 và giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2002. Trước đó, Quý I/2003, GDP cũng giảm 0,6% so với Quý IV/2002<sup>(2)</sup>.

**Bảng 2: Một số chỉ số kinh tế khác**

	2001	2002	2003
Tỷ giá Real/USD (thời điểm cuối năm)	2.320	3.533	2.889
Tỷ lệ lãi suất chuẩn (SELIC), (%)	18,1	25,0	16,5
Lạm phát (CPI), (%)	7,7	12,5	9,3
Thất nghiệp (%)	10,6	10,5	12,3
Nợ nước ngoài (tr.USD)	226.036	227.689	235.414
Cân cân tài chính (%GDP)	-3,6	-4,6	-5,2
Tài khoản vãng lai (tr.USD)	-23.215	-7.637	4.063
Đầu tư (bình quân thực tế (%))	1,1	-4,2	-6,6

Nguồn: www.latin-focus.com

Tuy nhiên, trong Quý III và Quý IV năm 2003 hoạt động của nền kinh tế đã cải thiện hơn do các chính sách của vị Tổng thống mới, Lula da Silva đã phát huy hiệu quả tích cực. Cũng theo số liệu thống kê của IBGE, từ đầu Quý III/2003 sản lượng công nghiệp - động lực chính của nền kinh tế Brazil đã tăng trưởng trở lại sau hai quý liên tiếp suy giảm, trong đó Quý II sản lượng công nghiệp giảm tới 3,7% so với Quý I/2003. Lúc này nhiều người đã nói rằng, nền kinh tế Brazil đã xuống đến mức thấp nhất của một chu kỳ và thời gian tới sẽ tăng trưởng trở lại. Dự báo này sau đó cho thấy hoàn toàn đúng. Sản lượng công nghiệp Quý III/2003 đã tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước, riêng tháng 9/2003 sản lượng công nghiệp Brazil đã tăng tới 4,3%<sup>(3)</sup>. Việc tất cả các ngành công nghiệp đều tăng trưởng trở lại một phần do nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng, đây là một trong những động lực quan trọng kích thích phục hồi tổng thể nền kinh tế. Tính chung cho cả năm, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2003 vẫn ở mức rất thấp (- 0,2%), đây cũng là năm mà nền kinh tế hoạt động tồi tệ nhất trong 11 năm qua.

Những ảnh hưởng tâm lý xấu của nước láng giềng Argentina càng làm cho kinh tế Brazil gặp nhiều khó khăn. Đồng Real mất giá mạnh đã đẩy lạm phát lên cao, buộc Ngân hàng Trung ương phải tăng lãi suất để kiểm chế và

giữ giá đồng Real. Chính vì vậy tỷ lệ lãi suất ở Brazil thuộc loại cao nhất trong các nền kinh tế lớn, đã có lúc lên tới hơn 26%. Điều này khiến cho niềm tin của dân chúng, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như của các tổ chức quốc tế giảm mạnh, và tất yếu khiến cho tình hình đầu tư - động lực chính để tăng trưởng kinh tế giảm đi rõ rệt. Nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đã rút hàng tỷ USD ra khỏi nước này, làm cho đầu tư giảm mạnh tới -4,2% năm 2002 và -6,6% năm 2003. Trong đó đáng kể nhất là đầu tư nước ngoài - sức sống của hầu hết các nền kinh tế đang phát triển, vẫn còn quá nhỏ ở Brazil và giảm mạnh trong những năm qua. Dòng FDI vào Brazil trong năm 2001 khoảng 22 tỷ USD thì đến năm 2002 giảm xuống còn khoảng 17 tỷ USD và năm 2003 chỉ còn 10 tỷ USD, chưa bằng một nửa so với năm 2001<sup>(4)</sup>.

Hoạt động đầu tư yếu kém trong thời gian dài cũng gây ra hậu quả rõ rệt, đó là sản xuất ngừng trệ và kéo theo đó là số người thất nghiệp gia tăng. Trong ba năm đầu thập kỷ, tỷ lệ thất nghiệp luôn ở mức 2 con số, tỷ lệ này thấp hơn nhiều trong các năm trước đó, chỉ 4,8% năm 2000 và 6,3% năm 1999. Thu nhập của người dân giảm sút, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn do lạm phát tăng cao, nhất là ở các vùng nông thôn nơi mà cuộc sống của người dân vẫn còn rất nghèo. Hơn nữa quá trình phát

triển kinh tế Brazil trong những năm 1990 cũng để lại nhiều vấn đề hết sức nghiêm trọng, chẳng hạn phân phối thu nhập bất bình đẳng giữa các vùng cũng như giữa các hộ gia đình. Brazil được đánh giá là một trong ít nước có sự phân phối thu nhập bất bình đẳng nhất trên thế giới. Của cải chỉ tập trung vào một số người giàu nhất định. Ước tính hiện có 46 triệu người sống dưới 1USD/ngày (3,50 real) trong khi thu nhập bình quân đầu người là 8.500 real/năm.

Nợ của chính phủ Brazil đã ở mức khổng lồ, phần lớn là nợ nước ngoài thường gắn với lãi suất và đồng đôla Mỹ, nên khi đồng Real trượt giá thì gánh nặng nợ của chính phủ lại tăng thêm. Hơn nữa do thất nghiệp gia tăng buộc chính phủ phải dành một khoản lớn cho quỹ bảo hiểm thất nghiệp khiến nợ của chính phủ gia tăng mạnh mẽ, mặc dù

chính phủ đã dùng mọi biện pháp để cắt giảm chi tiêu. Theo các nhà kinh tế trong khu vực, nợ của Brazil hiện nay khoảng 310 tỷ USD, tương đương với 58% GDP. Đây là khoản nợ lớn nhất so với các nước trong khu vực, ngay cả nước láng giềng đang khủng hoảng trầm trọng về nợ là Argentina chỉ nợ 185 tỷ USD (tương đương 132% GDP)<sup>(5)</sup>. Nếu ta tính khoản lãi trên số nợ của chính phủ Brazil cũng lên tới 10% GDP và chỉ riêng số tiền lãi mà ngân sách phải chi trả cho các khoản nợ của chính phủ đã cao hơn mức chi tiêu ngân sách cho y tế và giáo dục cộng lại.

Thế nhưng, mức độ suy thoái của Brazil không trầm trọng như nước láng giềng Argentina, chính là do hoạt động sản xuất nông nghiệp của Brazil vẫn tăng trưởng khá ở mức trên 5%/năm cộng thêm hoạt động ngoại thương hết sức sôi nổi đã kéo lại.

**Bảng 3: Hoạt động ngoại thương của Brazil**

(triệu USD)

	2001	2002	2003	Quý I/2004
Xuất khẩu	58.223	60.362	73.084	19.448
Nhập khẩu	55.572	47.241	48.267	13.278
Cán cân	2.651	13.121	24.817	617

Nguồn: www.latin-focus.com

Không giống các chỉ số khác, chỉ số hoạt động ngoại thương gia tăng đều. Kim ngạch xuất khẩu đạt kỷ lục 73.084 triệu USD năm 2003, tăng 21,11% so với năm trước, Brazil trở thành nước xuất khẩu lớn thứ hai ở Mỹ La tinh sau Mexico (hơn 160 tỷ USD)<sup>(6)</sup>. Điều đáng chú ý, xuất siêu của Brazil cũng rất lớn, đạt mức 24.817 triệu USD năm 2003, tăng 89% so với 13.121 triệu USD của năm 2002. Riêng tháng 12/2003, xuất siêu 2.759 triệu USD, mức cao nhất trong năm. Điều này báo hiệu một triển vọng sáng sủa trong những năm tới, thể hiện: Quý I/2004 xuất siêu đạt 617

triệu USD tăng nhiều so với 381 triệu USD cùng kỳ năm 2003. Theo các nhà kinh tế, hoạt động sản xuất trong thời gian qua chưa lấy lại được đà tăng trưởng làm cản trở nhập khẩu, đồng thời đồng Real mất giá so với USD khiến cho xuất siêu tăng nhanh. Chính phủ Brazil dự báo trong năm 2004, kim ngạch xuất khẩu có thể đạt 80 tỷ USD và xuất siêu là 29 tỷ USD. Như vậy đồng Real mất giá làm bất ổn môi trường kinh tế khiến cho hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ giảm sút nhưng nó lại có tác dụng tốt cho xuất khẩu tăng trưởng mạnh.

### Nguyên nhân suy giảm và các đối sách của chính phủ.

Yếu tố tâm lý vẫn là yếu tố đầu tiên và là nhân tố trung tâm đối với quá trình suy thoái kinh tế của Brazil, điều này được chứng minh qua cuộc suy thoái kinh tế trong khu vực, đặc biệt là cuộc khủng hoảng ở Argentina. Một mặt, như chúng ta đã biết, Argentina là nền kinh tế lớn thứ hai trong khu vực Nam Mỹ chỉ sau Brazil, là nước có nền kinh tế phát triển hết sức năng động trong thời gian gần đây. Argentina là đối tác thương mại quan trọng của Brazil, chiếm khoảng 13% giá trị thương mại quốc tế của Brazil năm 1999. Việc Argentina gặp khủng hoảng đã ảnh hưởng lớn đến quan hệ buôn bán giữa hai nước, xuất khẩu của Brazil sang Argentina đã giảm tới 2/3. Mặt khác, kinh tế Argentina khủng hoảng còn gây ra tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư ở khu vực này, họ lo ngại cuộc khủng hoảng ở Argentina sẽ lan sang cả Brazil, gây ra một tâm lý bất lợi đối với môi trường kinh tế của Brazil. Chính họ là người đầu tiên thu hẹp sản xuất và rút bớt đầu tư và điều này đã làm cho kinh tế Brazil rơi vào suy thoái một cách nhanh hơn.

Hơn nữa, cũng phải kể đến sự yếu kém của nền kinh tế Mỹ và nền kinh tế thế giới trong thời gian đó. Nó đã tác động trực tiếp đến thương mại quốc tế của Brazil và đầu tư nước ngoài vào Brazil. Đây là động lực của nền kinh tế Brazil, một khi nó sụt giảm thì đương nhiên kinh tế Brazil gặp nhiều khó khăn.

Tình hình nợ nước ngoài của Brazil cũng đã gây ra tâm lý lo sợ rằng Brazil không có khả năng trả nợ và sẽ rơi vào tình trạng khủng hoảng nợ giống như Argentina, bởi vì nợ nước ngoài của Brazil đã lên tới con số khổng lồ, khoảng 230 tỷ USD, chiếm gần nửa GDP của Brazil. Ngay các khoản lãi mà chính phủ phải trả hàng năm đã rất

lớn, chiếm một tỷ trọng cao trong chi tiêu ngân sách, khiến cho ngân sách của Brazil thường xuyên trong tình trạng thâm hụt và chi tiêu của chính phủ cho các vấn đề kinh tế xã hội khác bị hạn chế.

Ngoài ra, sự bất ổn của thị trường tiền tệ có ảnh hưởng rất lớn. Khi đồng Real mất giá, đồng thời tỷ lệ lạm phát cao bắt buộc chính phủ phải có biện pháp ngăn chặn. Các ngân hàng liên tục phải bán ngoại tệ ra thị trường nhằm làm ổn định giá đồng Real. Hiện tại dự trữ ngoại tệ của nước này đã tụt xuống mức rất thấp. Bên cạnh đó Ngân hàng Trung ương cũng tăng lãi suất chuẩn SELIC lên tới hơn 20% vào nửa cuối năm 2002. Mặc dù lãi suất tăng liên tục như vậy nhưng giá trị đồng Real vẫn giảm mạnh. Chính vì cố theo đuổi biện pháp này đã làm cho lãi suất tăng đến mức quá cao để có thể giúp cho nền kinh tế hồi phục. Theo báo cáo của Viện nghiên cứu kinh tế thuộc Bộ Kế hoạch Brazil (IPEA), lãi suất cao lại gây ra khó khăn mới cho nền kinh tế cộng với sức mua của người dân cũng giảm và cắt giảm chi tiêu của chính phủ<sup>(7)</sup>. Vì thế, nền kinh tế chưa thể thoát khỏi suy thoái ngay được.

Khi biết Lula da Silva sẽ lên làm Tổng thống, các nhà đầu tư hết sức lo ngại về chính quyền này, cho rằng Tổng thống xuất thân từ công nhân, chưa có bằng đại học và chưa có kinh nghiệm giải quyết các vấn đề kinh tế. Điều này cũng tác động tiêu cực đến môi trường kinh tế, khi đó đồng Real mất giá tới 30% so với USD trong thời gian ngắn.

Tuy nhiên, khi Lula da Silva nắm quyền (1/2003), ông đã thực hiện những biện pháp cứng rắn để khôi phục kinh tế, trước tiên là chính sách tài chính tiền tệ đã giành được những thành công ban đầu trong kiểm soát lạm phát, ổn định đồng tiền và chi tiêu ngân sách, những mối lo ngại trước khi ông lên nắm quyền đã dần giảm bớt. Trong những tháng

đầu năm 2003, Ngân hàng Trung ương đã ấn định một loạt các mức tăng lãi suất để khống chế tỷ lệ lạm phát ở mức 2 con số. Mặc dù động thái này kìm hãm tốc độ tăng trưởng và giảm việc làm nhưng quả thực, một loạt đợt tăng lãi suất của Ngân hàng Trung ương đã làm cho lạm phát từ 12,5% giảm xuống còn 9,3% năm 2003. Nói như thế không có nghĩa chính phủ cứng nhắc, ngược lại sự điều tiết của chính phủ cũng hết sức linh hoạt. Sau khi nâng lãi suất cao đến đỉnh điểm trên 25% vào thời điểm cuối năm 2002 đầu 2003 thì giữa năm 2003 Ngân hàng Trung ương đã dần cắt giảm lãi suất nhằm tạo ra cú huých cho các doanh nghiệp đang vật lộn để phục hồi trong nền kinh tế đang suy thoái này. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay lãi suất vẫn đang ở mức quá cao để có thể khuyến khích tăng trưởng việc làm ngay cả khi đã giảm tới 10 điểm % so với năm trước trong tỷ lệ chuẩn của Ngân hàng Trung ương. Việc duy trì tỷ lệ lãi suất 16,5% trong những tháng đầu năm 2004 của Ngân hàng Trung ương đã bị kêu ca rất nhiều và Ngân hàng vẫn có ý định giảm lãi suất hơn nữa trong năm 2004.

Những kết quả đạt được là rõ ràng, trong 3 tháng đầu cầm quyền của Lula da Silva giá trị đồng Real đã hồi phục mạnh mẽ, giá trái phiếu tăng và những lo ngại rằng nước này không trả được các khoản nợ khổng lồ đã biến mất. Thước đo chính về lòng tin vào nền kinh tế Brazil (C-bond) đã tăng 70% trong 3 tháng đầu năm 2003, đạt mức cao chưa từng thấy từ năm 1998. Sang Quý II/2003 giá đồng Real đã lên đến mức cao. Tính đến hết năm 2003, đồng Real đã tăng giá 25% sau khi giảm 40% năm 2002. Điều đó cũng làm cho nhà nước và các công ty Brazil dễ dàng hơn trong việc trả 230 tỷ USD nợ nước ngoài.

Rõ ràng nhìn bề ngoài, nền kinh tế đã tốt hơn nhiều, thành công lớn nhất là chính phủ đã khôi phục được niềm tin từ các nhà đầu tư ở Brazil. Khi đó

việc giảm lãi suất hơn nữa để kích thích tăng trưởng không phải là quá khó khăn.

Như đã nói, mục tiêu đầu tiên khi nắm quyền của Lula da Silva là thực hiện thắt chặt chi tiêu. Chính phủ của ông đã đặt ra mục tiêu nghiêm ngặt là thặng dư ngân sách ban đầu (tức là trước khi trả lãi) là 4,25% GDP năm 2003, trong đó mức thoả thuận với IMF là 3,75%. Chính phủ đã thực hiện hàng loạt các biện pháp cắt giảm chi tiêu ngân sách, trong đó Lula da Silva đã trình bày kế hoạch cải cách tiền lương lên Quốc hội (5/2003) gây nhiều tranh cãi. Theo đó, kế hoạch này sẽ cắt giảm lương hưu khiến cho những người lao động, vốn là những người ủng hộ truyền thống của Đảng công nhân của ông không tán thành.

Theo Bộ trưởng Tài chính Antonio Paloci, thặng dư ngân sách đã tăng 0,5 điểm %, lên 4,25% GDP trong nửa đầu năm 2003. Điều này đã gây được sự tin cậy và danh tiếng tốt trên thế giới. IMF đánh giá cao những nỗ lực mà chính phủ của Lula da Silva đã thực hiện được, trong đó có nỗ lực để nhận được 10 tỷ USD trong tổng số 31 tỷ USD mà IMF hứa cho vay tháng 9/2002. IMF cho rằng khoản viện trợ cả gói 31 tỷ USD này là một trong những thoả thuận thành công nhất từ trước đến nay. Kể từ khi đạt được thoả thuận vào tháng 9/2002, Brazil đã nhận được hai đợt từ khoản vay này, đợt 1 là 3,1 tỷ USD (tháng 9/2002) và đợt 2 là 4,6 tỷ USD (3/2003). Ngân hàng thế giới cũng đồng ý cho Brazil vay 505 triệu USD để tăng nguồn tài trợ cho chương trình xã hội xoá đói giảm nghèo.

Ngoài ra, nhằm thu hút và lành mạnh hơn nữa môi trường đầu tư ở Brazil, Ngân hàng phát triển kinh tế - xã hội của Brazil (BNDES) tuyên bố huỷ bỏ cơ chế phân biệt đối xử với doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài. Theo đó, BNDES xoá bỏ qui định doanh nghiệp nhà nước phải trả

thêm 2%/năm trên mức lãi suất cơ bản của BNDES (hiện là 10%/năm), doanh nghiệp nước ngoài trả thêm 3,5%, các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ trả thêm 1-2,5% và doanh nghiệp tư nhân cỡ lớn trả thêm 4,5%. Biện pháp này đảm bảo tính công bằng giữa các doanh nghiệp lớn nhỏ, trong nước và ngoài nước<sup>(8)</sup>.

### Liệu kinh tế Brazil có tăng trưởng vững chắc trong thời gian tới ?

Sau hơn một năm dưới sự điều hành của Lula da Silva, kinh tế Brazil đã xuất hiện dấu hiệu phát triển trở lại. Lạm phát đã giảm nhiều, từ hơn 9% năm 2003 giảm còn hơn 5% trong nửa đầu năm 2004. Đồng thời, đồng nội tệ đã mạnh lên. Thành công của Lula da Silva đã thuyết phục được các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức quốc tế và dân chúng tin rằng chính phủ của ông sẽ đưa ra những chính sách có hiệu quả, có trách nhiệm, tận dụng được lợi thế của Brazil. Vì thế, Raquel Teixeira, một nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ xã hội Brazil, nói "nhân dân Brazil chưa bao giờ ủng hộ chính phủ của họ như họ đang làm hiện nay". Hơn nữa, tình hình kinh tế thế giới rất thuận lợi do sự hồi phục của kinh tế Mỹ và các nền kinh tế lớn mạnh khác, đặc biệt các nền kinh tế ở Mỹ La tinh. Do đó không có lý do đáng kể nào cản trở kinh tế Brazil tăng trưởng vững chắc.

Thực tế nền kinh tế Brazil từ tháng 7/2003 đã tăng trưởng trở lại cho đến nay, sau khi suy giảm trong 6 tháng đầu năm 2003. Đây được coi là thời kỳ tăng trưởng nhanh nhất trong 8 năm qua. Tốc độ tăng GDP trong Quý I/2004 là 2,66%, Quý III/2004 là 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt xuất khẩu tăng nhanh và thặng dư thương mại ở mức cao. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng ở các đô thị, tăng lên 13,1% so với 10,9% tháng 12/2003. Tuy nhiên, theo nhiều nhà kinh tế, sự gia tăng này không

đáng ngại, nó chỉ phản ánh sự hồi phục kinh tế bắt đầu diễn ra, bởi vì số người đang nhận trợ cấp thất nghiệp nay muốn tham gia vào thị trường lao động tăng lên nhanh hơn số việc làm mới được tạo ra. Tính đến cuối tháng 4/2004, số người tham gia thị trường lao động đã lên tới 21,5 triệu người. Từ tháng 1 đến hết tháng 4/2004 đã có 534.900 việc làm được tạo ra. Chúng ta hoàn toàn có lý do nói rằng kinh tế Brazil sẽ tăng trưởng ổn định trở lại. Chính phủ dự báo tốc độ tăng trưởng GDP năm nay sẽ đạt khoảng 3,5 - 4%. Tương tự, Ngân hàng thế giới cũng dự báo năm 2004 Brazil có thể tăng trưởng hơn dự kiến đạt 3,5 % và 4% năm 2005. Còn IMF dự báo về kinh tế Brazil như sau<sup>(9)</sup>:

Chỉ số tăng	2004	2005
GDP thực(%)	4,0	3,5
Giá tiêu dùng(%)	6,6	5,9

### Chú thích:

1. Ngọc Mạnh - Quý Dương. Triển vọng kinh tế Mỹ La tinh và vùng Caribbean. Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay. Số 5-2003.
2. TTXVN. Tin kinh tế. Ngày 09/9/2003.
3. TTXVN. Tin kinh tế. Ngày 11/11/2003.
4. The Economist. May 8<sup>th</sup> 2004.
5. TTXVN. Tin kinh tế. Ngày 17/3/2004.
6. TTXVN. Tin kinh tế. Ngày 08/01/2004.
7. TTXVN. Tin kinh tế. Ngày 15/7/2003.
8. TTXVN. Tin kinh tế. Ngày 22/4/2004.
9. World Economic Outlook, Sep.2004.

### Tài liệu tham khảo:

1. Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay. Các số 5/2003, 8/2003.
2. Tin kinh tế. TTXVN. Từ 2002 đến 4/2004.
3. Kinh tế quốc tế. TTXVN. Số 6/2004.
4. The Economist. Feb 22<sup>nd</sup> 2003, March 22<sup>nd</sup> 2003, June 21<sup>st</sup> 2003, Jan 3<sup>rd</sup> 2004, May 8<sup>th</sup> 2004.
5. Trang Web: [www.latin-focus.com/](http://www.latin-focus.com/)
6. <http://quote.bloomberg.com/>